TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST.
Ngày 04/02/2025.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên;

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 9 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (bà P có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Đống Thị Kim N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chị N có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Sơn Thành R, sinh năm 1994. Địa chỉ ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (anh R có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị P trình bày:

Vào ngày 08/11/2022, bà có cho chị Đống Thị Kim N vay số tiền 50.000.000 đồng không viết biên nhận, lãi suất 5%/tháng (số tiền này bà mượn của Nguyễn Thị N1, sinh năm 1966, địa chỉ ấp C, xã M, huyện C rồi cho chị N mượn lại). Khi vay chị N hẹn đến tháng 4 năm 2023 sẽ trả gốc và lãi cho bà nhưng đến nay chị N không trả gốc và tiền lãi cho bà. Đến tháng 02/2023, chị N năn nỉ bà vay thêm 25.000.000 đồng, 05 ngày sau cho vay thêm 10.000.000 đồng và 05 ngày sau cho vay thêm 10.000.000 đồng, các lần vay tiền đều không viết biên nhận (số tiền 45.000.000 đồng này bà mượn của Nguyễn Thị Đ, sinh

năm 1974, địa chỉ ấp C, xã M rồi cho chị N vay lại), lãi suất 5%/tháng. N hẹn đến tháng 3 năm 2023 sẽ trả gốc và lãi nhưng đến nay N không trả gốc và tiền lãi cho bà. Quá trình vay, chị N có trả lãi cho bà được 01 tháng với số tiền lãi là 1.250.000 đồng. Việc chị N cho rằng quá trình vay có trả cho bà số tiền gốc lần đầu 2.500.000 đồng, lần thứ hai 1.000.000 đồng, lần thứ ba 6.500.000 đồng thì bà không đồng ý do bà không có nhận số tiền này từ chị N. Cũng vào khoảng năm 2023, bà có cho Đống Thị Kim N mượn số tiền 39.000.000 đồng, đây là tiền riêng của bà cho chị N mượn, việc vay mượn không làm giấy tờ và không ai chứng kiến. Sau đó chị N có trả cho bà nhận số tiền 3.000.000 đồng. Còn số tiền còn lại thì chị chồng của N có chuyển khoản cho em của bà tên Trinh Sô K 36.400.000 đồng để trả cho bà nhận xong nên việc chị N cho rằng đã trả số tiền 39.400.000 đồng là để trả số tiền vay 95.000.000 đồng là không đúng. Lý do việc trả dư 400.000 đồng là cho bà tiền để đổ xăng. Mục đích vay tiền của N là để tiêu xài. Nay bà yêu cầu chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R phải trả cho bà số tiền gốc vay lần thứ nhất là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2024 là 19 tháng mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 15.770.000 đồng. Đồng thời yêu cầu chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R phải trả cho bà số tiền gốc vay lần thứ hai là 45.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 02/2023 đến tháng 6/2024 là 16 tháng mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.952.000 đồng. Tổng số tiền gốc là 95.000.000 đồng và tiền lãi là 27.722.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Đống Thị Kim N trình bày: Vào khoảng tháng 9/2022, chị có vay tiền của bà Trịnh Thị P số tiền 25.000.000 đồng. Đến tháng 11/2022, chị vay tiếp của bà P 25.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 02/2023, chị vay tiếp của bà P 10.000.000 đồng, tháng sau vay thêm vay 25.000.000 đồng và nữa tháng sau vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng chị đã vay của bà P là 95.000.000 đồng, các lần vay tiền đều do bà P trực tiếp đưa tiền cho chị nhận và không có làm biên nhận. Mục đích chị vay tiền là để đổ đất ở nhà và trả nợ cho Ngân hàng, khi chị vay tiền thì chồng chị (anh Sơn Thành R) có biết việc này. Trong các lần vay tiền, chị có đóng lãi 1.250.000 đồng (lãi suất 5%/tháng của số tiền 25.000.000 đồng lần thứ nhất chị vay) và 2.500.000 đồng (đối với số tiền 50.000.000 đồng). Sau đó chị tiếp tục đóng lãi thêm 1.250.000 đồng cho bà P nhận. Sau đó chị đã trả cho bà P gốc lần đầu 2.500.000 đồng, lần thứ hai 1.000.000 đồng, lần thứ ba 6.500.000 đồng, khi trả tiền gốc và lãi cho bà P thì không làm biên nhận và không ai chứng kiến. Ngày 24.7.2023, chị có nhờ chị S (chị chồng của chị) chuyển qua tài khoản của anh Trịnh Sô K1 (là em của bà P) để trả cho bà P số tiền 36.400.000 đồng, tổng cộng chị đã trả cho bà P gốc là 46.400.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ và không ai chứng kiến, hiện tại chị còn nợ bà P là 48.600.000 đồng. Theo chị biết số tiền mà bà P cho chị vay là bà P mượn của bà N1 và bà Đ rồi cho chị vay lại. Riêng bà P cho rằng trong năm 2023, có cho chị mượn số tiền 39.000.000 đồng thì chị không đồng ý do chị không có vay số tiền này của bà P. Nay bà Trịnh Thị P yêu cầu chị trả số tiền gốc là 95.000.000 đồng và tiền lãi là 27.722.000

đồng thì chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 48.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sơn Thành R trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của vợ anh là đồng ý trả cho bà P số tiền còn nợ là 48.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm và anh không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Đống Thị Kim N và anh Sơn T Rinh phải trả số tiền vay còn nợ là 55.600.000 đồng cho bà Trịnh Thị P. Về phần lãi suất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R phải trả tiền lãi cho bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị N và anh R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do bà P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà P đối với yêu cầu không được chấp nhận.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trịnh Thị P khởi kiện yêu cầu chị Đống Thị Kim N và anh Sơn T Rinh trả số tiền gốc 95.000.000 đồng và tiền lãi 27.722.000 đồng cho bà. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- Nguyên đơn bà Trịnh Thị P khởi kiện yêu cầu chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R phải trả số tiền gốc 95.000.000 đồng và tiền lãi 27.722.000 đồng cho bà P. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Đống Thị Kim N trình bày: Chị thừa nhận vào khoảng tháng 9/2022, chị có vay tiền của bà Trịnh Thị P số tiền 25.000.000 đồng. Đến tháng 11/2022, chị vay tiếp của bà P 25.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 02/2023, chị vay tiếp của bà P 10.000.000 đồng, tháng sau vay thêm 25.000.000 đồng và nữa tháng sau vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng chị đã vay tiền của bà P là 95.000.000 đồng, các lần vay tiền đều do bà P đưa trực tiếp cho chị nhận và không có làm biên nhận. Mục đích chị vay tiền là để đổ đất ở nhà và trả nợ cho Ngân hàng. Khi chị vay tiền thì chồng chị (anh Sơn Thành R) có biết việc này. Sau đó chị đã trả cho bà P gốc lần đầu 2.500.000 đồng, lần thứ hai 1.000.000 đồng, lần thứ ba 6.500.000 đồng, khi chị trả tiền gốc và lãi cho bà P thì không làm biên nhận và không ai chứng kiến. Ngày 24.7.2023, chị có nhờ chị S (chị chồng của chị) chuyển qua tài khoản của anh Trịnh Sô K1 (là em của bà P) để trả cho bà P số tiền 36.400.000 đồng, tổng cộng chị đã trả cho bà P gốc 46.400.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ, hiện tại chị còn nợ bà P là 48.600.000 đồng. Nay bà P yêu cầu chị trả số tiền gốc là 95.000.000 đồng và tiền lãi là 27.722.000 đồng thì chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền còn nợ là 48.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sơn Thành R trình bày:

Anh là chồng của Đống Thị Kim N, khi vợ anh vay tiền của bà Trịnh Thị P thì anh không có trực tiếp chứng kiến nhưng anh có biết việc này, mục đích vợ anh vay tiền của bà P là để trả nợ và chi tiêu trong gia đình. Nay anh thống nhất theo lời trình bày của vợ anh là đồng ý trả cho bà P số tiền còn nợ là 48.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều trình bày việc bà P cho chị N vay tiền không làm giấy tờ, không ai chứng kiến, bà P là người trực tiếp đưa tiền cho chị N nhận tiền. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận từ tháng 9 năm 2022 đến năm 2023 có vay tiền của bà Trịnh Thị P nhiều lần với tổng số tiền vay là 95.000.000 đồng. Căn cứ vào lời trình bày của bị đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị Đống Thị Kim N có vay tiền của bà Trịnh Thị P tổng số tiền 95.000.000 đồng. Khi vay tiền thì chị N là người trực tiếp nhận tiền của bà P, anh R không có nhận tiền từ bà P nhưng mục đích vay tiền của chị N là để chi tiêu trong gia đình là nhằm chăm lo cho đời sống, kinh tế trong gia đình, anh R có biết việc này và đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày quá trình vay chị có trả gốc lần đầu 2.500.000 đồng, lần thứ hai 1.000.000 đồng, lần thứ ba 6.500.000 đồng cho bà P nhận. Ngày 24.7.2023, chị N có nhờ chị S (chị

chồng của chị) chuyển qua tài khoản anh Trịnh Sô K1 (em của bà P) để trả cho bà P số tiền 36.400.000 đồng, tổng cộng chị N trả cho bà P số tiền gốc 46.400.000 đồng nhưng không có làm biên nhận trả tiền và không ai chứng kiến, hiện tại chị còn nợ bà P là 48.600.000 đồng. Chị N và anh R đồng ý trả số tiền 48.600.000 đồng cho bà P.

Tuy nhiên, bà P không thừa nhận đã nhận số tiền 46.400.000 đồng từ chị N đưa mà chỉ thừa nhận có nhận của chị N số tiền gốc chị N trả là 3.000.000 đồng và số tiền 36.400.000 đồng (chị chồng của chị N chuyển cho em bà tên Trịnh Sô K1), tổng cộng bà P đã nhận của chị N số tiền gốc chị N trả là 39.400.000 đồng. Tuy nhiên, bà P cho rằng số tiền 39.400.000 đồng chị N trả cho bà là tiền của khoản vay khác (khoản vay 39.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ và không ai chứng kiến), không phải khoản vay 95.000.000 đồng, bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày của mình. Đồng thời chị N không thừa nhận việc này nên không có cơ sơ để Hội đồng xét xử xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Sô K1 trình bày vào khoảng năm 2023, anh có nhận số tiền 36.400.000 đồng từ con của bà A tên SaRane thông qua chuyển khoản để trả tiền cho bà Trịnh Thị P và anh đã đưa số tiền 36.400.000 đồng cho bà P nhận xong. Còn trả tiền của khoản vay nào thì anh không biết.

Từ những phân tích nêu trên và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R có vay của bà Trịnh Thị P số tiền gốc là 95.000.000 đồng quá trình vay đã trả cho bà P nhận số tiền gốc là 39.400.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị P buộc chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị P số tiền gốc còn nợ là 55.600.000 đồng.

[3] Đối với lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự không thống nhất với nhau về thời gian vay tiền, việc vay tiền có thỏa thuận thời gian trả, lãi suất vay hai bên thỏa thuận 5%/tháng. Chị N trình bày quá trình vay chị có đóng lãi cho bà P lần 1 là 1.250.000 đồng và lần 02 là 2.500.000 đồng và đóng lãi thêm được 1.250.000 đồng. Tổng cộng chị N đã đóng lãi cho bà P là 5.000.000 đồng, việc trả lãi không làm giấy tờ và không ai chứng kiến. Tại phiên tòa, bà P không thừa nhận việc này mà cho rằng chỉ nhận tiền lãi từ chị N đưa là 1.250.000 đồng. Nay bà P yêu cầu chị N trả số tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2024 là 19 tháng x 1,66%/tháng x 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền lãi là 15.770.000 đồng và yêu cầu chị N trả số tiền lãi của số tiền gốc 45.000.000 đồng tính từ tháng 02/2023 đến tháng 6/2024 là 16 tháng x 1,66%/tháng x 45.000.000 đồng tương ứng với số tiền lãi là 11.952.000 đồng.

Xét thấy đây hợp đồng vay tiền, có xác định thời hạn, có thỏa thuận về lãi suất và các bên đương sự tranh chấp về phần lãi suất vay. Khi đến hạn thì chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà P là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về lãi suất nên

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị N trả tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử tính lãi như sau (chị N thừa nhận vay số tiền 25.000.000 đồng của bà P từ tháng 9/2022 nhưng bà P cho rằng chị N vay tiền của bà từ tháng 11/2022 nên chỉ yêu cầu tiền lãi từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2024 nên Hội đồng xét xử không xem xét phần lãi từ tháng 9/2022 số tiền 25.000.000 đồng mà chị N đã thừa nhận vay của bà P) 50.000.000 đồng (tính từ tháng 11/2022 đến 6/2024 là 19 tháng như vậy: 50.000.000 đồng x 19 tháng x 0,83%/tháng = 7.885.000 đồng

Đối với số tiền gốc 45.000.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2023 là 6 tháng như vậy 45.000.000 đồng x 6 tháng x 0,83%/tháng = 2.241.000 đồng. Từ tháng 8/2023 đến tháng 6/2024 số tiền gốc (45.000.000 đồng trừ số tiền đã trả là 39.400.000 đồng) chỉ còn nợ là 5.600.000 đồng x 11 tháng x 0,83%/tháng = 511.280 đồng. Như vậy tổng số tiền lãi mà chị N và anh R phải trả cho bà P là 10.637.280 đồng nhưng tại phiên tòa bà P thừa nhận có nhận số tiền lãi là 1.250.000 đồng của chị N đưa, chị N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc mình đóng lãi (lần 02 là 2.500.000 đồng và đóng lãi thêm được 1.250.000 đồng) nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Từ những phân tích nêu trên căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử trừ số tiền 1.250.000 đồng bà P đã nhận vào số tiền lãi chị N và anh R phải trả cho bà P buộc chị N và anh R phải trả số tiền lãi còn lại cho bà P là 9.387.280 đồng (10.637.280 đồng- 1.250.000 đồng).

Đối với chị Sơn Thị S Tòa án có thông báo yêu cầu chị N cung cấp năm sinh và địa chỉ liên quan đến chị S nhưng quá trình giải quyết chị N không cung cấp. Quá trình giải quyết, chị S có làm văn bản gửi đến Tòa án (giấy xác nhận) nhưng không thể hiện rõ địa chỉ chị sinh sống nội dung văn bản thể hiện chị có chuyển tiền trả cho bà P thay em chị là anh Sơn T Rinh thông qua tài khoản của anh Trịnh Sô K1, không thể hiện chị S có tranh chấp và có yêu cầu gì đối với số tiền chị đã chuyển trả cho bà P nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị S có tranh chấp, có khởi kiện đối với anh R và chị N thì có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác kèm theo tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, 14, 15 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc chị N và anh R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà P đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R phải trả cho bà Trịnh Thị P số tiền gốc là 55.600.000 đồng và tiền lãi 9.387.280 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc chị Đống Thị Kim N và anh Sơn Thành R phải chịu 3.249.364 đồng án phí. Bà Trịnh Thị P được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà